

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP-TỈNH BÌNH PHƯỚC
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Hùng Cường

Bà: Điều Thị Hương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Lê Thị Bích T**, sinh năm: 1986 – có mặt

Bị đơn: anh **Nguyễn Tụ T**, sinh năm: 1981 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Tụ T tự nguyện kết hôn, về chung sống với nhau từ năm 2004 đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống chị và anh T sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung trong mọi việc, tính cách càng ngày càng không hợp, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không chịu làm ăn, từ đầu tháng 8 năm 2020 đến nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, sống ly thân, giữa hai vợ chồng cũng không quan tâm chăm sóc nhau, không liên lạc nói chuyện với nhau, vợ chồng không còn hàn

gắn được, thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 04 con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 19/8/2005, Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày: 09/10/2006; Nguyễn Đức A, sinh ngày 09/9/2009; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 09/6/2019; chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Anh T, Minh T và Kim A đến khi các con trưởng thành; yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A đến khi con trưởng thành, các bên không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tự T vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và hòa giải của Tòa án.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tự T; yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Minh T, Anh T, Kim A đến khi các con trưởng thành và tự lao động được; yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A đến khi con trưởng thành và tự lao động được. Các bên không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Anh Nguyễn Tự T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Vì đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Tự T và giao con chung là Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Thị Anh T và Nguyễn Thị Kim A cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tự lao động được; giao Nguyễn Đức A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành và tự lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T thuộc trường hợp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Tự T đang cư trú và có đăng ký hộ khẩu tại xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39 của Bộ

luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, giao nhận văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Tụ T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Tụ T thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn chung sống với nhau, đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với Trưởng Ấp T, xã T, huyện B và làm việc người thân chị T và người thân anh T đều cho biết anh Nguyễn Tụ T và chị Lê Thị Bích T có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Nên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Tụ T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T.

Về con chung: chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Tụ T có với nhau 04 con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 19/8/2005, Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày: 09/10/2006; Nguyễn Đức A, sinh ngày 09/9/2009; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 09/6/2019. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh T, Anh T và cháu Kim A, cháu Kim A còn nhỏ (02 tuổi), cần giao cho chị T nuôi dưỡng để bảo sự phát triển bình thường của con, xét nguyện vọng của cháu Minh T, Anh T là muốn được sống với chị T, phù hợp với yêu cầu nuôi con của chị T, chị T hiện làm công việc nấu ăn thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi 03 con chung của chị T. Đối với con cháu Nguyễn Đức A, chị T yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, mặc dù không làm việc trực tiếp được với anh T nhưng xét nguyện vọng của cháu Đức A là muốn được sống với anh T. Đồng thời, qua xác minh và làm việc với cha ruột của anh T là ông Nguyễn Đình Ba thì từ khi chị T và anh T không sống chung với nhau thì cháu Đức A được anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được đi học và phát triển bình thường nên cần giao cháu Đức A cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tự lao động được. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội. Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bích T

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Tự T.

2. *Về con chung*: Giao 03(Ba) con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 19/8/2005, Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày: 09/10/2006; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 09/6/2019 cho chị Lê Thị Bích T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành và tự lao động được. Giao 01(Một) con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 09/9/2009 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành và tự lao động được. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Lê Thị Bích T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Bích T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số 022114 ngày 02/3/2021.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- UBND xã Tân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo

